

Số: **824** /QĐ-UBND

Thành phố Cao Bằng, ngày **06** tháng **6** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng đối với hộ gia đình ông (bà): Hoàng Văn Cường, trú tại tổ 12, phường Đề Thám, Thành phố Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 10965/QĐ-BCA-H02 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công An về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 Thành phố Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường và tiền sử dụng đất giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về ban hành bảng giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ hồ sơ, phương án của các hộ gia đình, cá nhân kèm theo Công văn số 226/TCT-QĐMB ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Tổ công tác - Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố Cao Bằng;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Cao Bằng tại Tờ trình số 25/TTr-TTĐ ngày 29 tháng 05 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng đối với hộ gia đình ông (bà): Hoàng Văn Cường, trú tại tổ 12, phường Đề Thám, Thành phố Cao Bằng với những nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **1.858.586,0 đồng**

(Bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng)

Trong đó:

a, Kinh phí bồi thường: 1.493.086,0 đồng

b, Kinh phí hỗ trợ: 365.500,0 đồng

2. Phương án giao đất theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; điều 18, Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020: 0 lô.

(Không bị thu hồi đất ở, không đủ điều kiện giao đất theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; điều 18, QĐ số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020).

(Có phương án và dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2.

1. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố Cao Bằng có trách nhiệm giao quyết định này đến hộ gia đình ông/bà: Hoàng Văn Cường; Trường

hợp hộ gia đình ông/bà: Hoàng Văn Cường không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản và niêm yết công khai Quyết định này theo quy định.

2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Văn phòng HĐND và UBND thành phố Cao Bằng có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Cao Bằng, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố Cao Bằng, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng thành phố Cao Bằng, Chủ tịch UBND phường Đề Thám, hộ gia đình ông/bà: Hoàng Văn Cường và thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trung tâm PTQĐ và GPMB thành phố (9 bản);
- Các phòng: TNMT, QLĐT, TC-KH TP;
- UBND phường Đề Thám;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Châu

PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN: TRUNG TÂM CHỈ HUY CÔNG AN TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 824 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng)

STT	Họ và tên loại tài sản khác	Số tờ bản đồ	Thửa đất số	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá	Hệ số				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Tái định cư (lô)
					Diện tích đất bồi thường	Loại TS khác và cây cối hoa màu		Điều chỉnh giá đất	Điều chỉnh giá xây dựng theo QĐ 16	Hỗ trợ chuyể n đổi nghề, hỗ trợ khác	Tăng giảm	Bồi thường	Hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Hoàng Văn Cường Tổ 12, phường Đề Thám, TPCB				73,10							1.493.086	365.500	1.858.586	0
A	BỒI THƯỜNG											1.493.086			
I	ĐẤT				73,10							1.462.000			
1	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác, xã đồng bằng, vùng 3 canh tác không thường xuyên từ năm 2006 đến năm 2016 (đất bỏ hóa không canh tác liên tục quá 3 năm được tính bằng 0,5 lần so với giá đất tương ứng theo Khoản 2, Điều 7, Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng)	37	207	m2	73,10		30.000	1,333			0,50	1.462.000			
II	HOA MÀU											31.086			
1	04 Gỗ nhóm VII khác đk=0,05m h=3m	37	207	cây		0,02355	1.000.000					23.550			
2	02 Gỗ nhóm VII khác đk=0,04m h=3m	37	207	cây		0,00754	1.000.000					7.536			
III	TÀI SẢN - VKT											0			
	Không có tài sản trên đất											0			
B	HỖ TRỢ												365.500		
I	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (= diện tích được hỗ trợ * đơn giá đất bị thu hồi * hệ số chuyển đổi nghề)												0		
	Không đủ điều kiện hỗ trợ														
II	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (= số nhân khẩu đủ đk hỗ trợ * mức hỗ trợ * số tháng)												0		
	Diện tích thu hồi đất sản xuất nông nghiệp dưới 100 m ² do đó không đủ điều kiện hỗ trợ														
III	Hỗ trợ khác:												365.500		
1	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng												365.500		

STT	Họ và tên loại tài sản khác	Số tờ bản đồ	Thửa đất số	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá	Hệ số				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Tái định cư (lô)
					Diện tích đất bồi thường	Loại TS khác và cây cối hoa màu		Điều chỉnh giá đất	Điều chỉnh giá xây dựng theo QĐ 16	Hỗ trợ chuyể n đổi nghề, hỗ trợ khác	Tăng giảm	Bồi thường	Hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Thường tiền độ bàn giao mặt bằng đối với Đất sản xuất nông nghiệp (Mức thường 5.000đ/m ² ; Mức thường tối đa không quá 5.000.000đ/hộ) Quy định thời gian bàn giao mặt bằng đối với đất nông nghiệp là 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo (sẽ được chi trả sau khi gia đình bàn giao mặt bằng đúng tiền độ theo Thông báo của Hội đồng bồi thường)					73,1	5.000						365.500		
C	TÁI ĐỊNH CƯ														
	Gia đình không bị thu hồi đất ở do đó không đủ điều kiện xem xét cấp đất tái định cư theo quy định tại điều 6, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của chính phủ														
	TỔNG CỘNG				73,10							1.493.086	365.500	1.858.586	0